TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **117**/2022/DS-PT
Ngày: 29/4/2022
V/v: "Tranh chấp chia thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hồng.

Các Thẩm phán: Ông Trương Chí Anh;

Ông Vũ Toàn Giang.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Vương Thuỳ Dương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa***: Ông Lê Văn Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 422/2021/TLPT - DS ngày 16/10/2020 về: "Tranh chấp thừa kế tài sản".

Do bản án sơ thẩm số 40/2020/DS-ST ngày 06, 07/7/2020 của Tòa án nhân dân quận NTL, thành phố Hà Nội bị kháng nghị, kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 498/2021/QĐ-PT ngày 21/12/2021; Quyết định hoãn phiên toà dân sự phúc thẩm số 96/2022/QĐHPT-PT ngày 31 tháng 3 năm 2022, của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị H** , sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn T, xã KS, thị xã ST, thành phố HN; người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị H Ly. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hà Kim T - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH HT.

2. *Bị đơn*:

2.1. Anh **Nguyễn Bá C** , sinh năm 1990, CMND số 001090019702 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 25/01/2019, địa chỉ: Số 34, ngách 53/58 đường Q, tổ dân phố G, phường ĐM, quận NTL, thành phố HN; hiện đang bị giam tại Trại giam S, Cục C10, Bộ Công an.

2.2. Chị **Nguyễn Thị Thu T** , sinh năm 1994, địa chỉ: Số 34, ngách 53/58 đường Q, tổ dân phố G, phường ĐM, quận NTL, thành phố HN;

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Bà Bùi Thị L , sinh năm 1976;

3.2. Chị Nguyễn Thị N , sinh năm 1984;

Cùng địa chỉ: Số 34, ngách 53/58 đường T, tổ dân phố G, phường ĐM, quận NTL, thành phố HN.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Bá T kết hôn năm 2006 có đăng ký kết hôn ngày 19/01/2006 tại UBND xã ĐM, huyện TL, Hà Nội (nay là UBND phường ĐM, quận NTL, Hà Nội), ông bà không có con chung. Sau khi kết hôn, bà và ông T về chung sống tại số 34, ngách 53/58 đường T, tổ dân phố G, phường ĐM, quận NTL, Hà Nội.

Trước khi kết hôn với bà thì ông T có vợ là bà Bùi Thị L và có 02 con chung là Nguyễn Bá C , sinh năm 1990 và Nguyễn Thị Thu T , sinh năm 1994. Ngày 05/4/2005, ông T và bà Lđã thuận tình ly hôn và đã được Tòa án giải quyết. Tại quyết định thuận tình ly hôn ông T , bà L xác định tài sản chung tự giải quyết và không có vay nợ ai.

Ngày 15/5/2005, mẹ chồng bà là Nguyễn Thị Đ và 05 người con gồm: ông Nguyễn Bá B , Nguyễn Bá Hòa, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Bá B và chồng bà ông Nguyễn Bá T đã họp bàn và thống nhất chia nhà, đất cho các con. Ông T được chia nhà đất tại địa chỉ G, xã ĐM, huyện TL, có xác định vị trí thửa đất, trên có căn nhà cấp 4 diện tích khoảng 50m^2, có sơ đồ thửa đất kèm theo. Tại phiếu thu tiền thuế đất năm 2003 và 2006 thể hiện ông T là người nộp thuế đất.

Ngày 30/5/2006, ông T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) 201m^2 đất tại G, xã ĐM, huyện TL, HN. Ngày 08/8/2008, ông Nguyễn Bá T chết. Con trai ông T là Nguyễn Bá C đuổi bà ra khỏi nhà đất trên.

Như vậy, thời điểm ông T được cấp Giấy chứng nhận QSD đất là ngày 30/5/2006, sau khi bà và ông T đã kết hôn nên tài sản đó của ông T được coi là tài sản có trong hôn nhân.

Tại Giấy ủy quyền ngày 09/9/2008 bà và ông T cùng ủy quyền cho ông Đặng Văn H trong việc: Bảo quản Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Xin giấy phép xây dựng và sửa chữa nhà ở; Thực hiện các thủ tục để thế chấp hoặc thế chấp cho bên thứ ba toàn bộ quyền sử dụng đất để vay vốn ngân hàng. Thời hạn ủy quyền là 05 năm kể từ ngày 09/9/2008 đến ngày 09/9/2013;

Theo Điều 32 khoản 2 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì "Vợ chồng có quyền nhập hoặc không nhập tài sản riêng"; căn cứ Nghị định 70/2001/NĐ-CP ngày 03/10/2001 tại Điều 13 khoản 1 quy định "Việc nhập tài sản là nhà ở, quyền sử dụng đất và các tài sản khác có giá trị lớn thuộc sở hữu riêng của một bên vợ hoặc chồng vào tài sản chung của vợ chồng theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật hôn nhân gia đình được lập thành văn bản, có chữ ký của cả vợ và chồng. Văn bản đó có thể được công chứng theo quy định của pháp luật". Việc ủy quyền này làm

tại Văn phòng công chứng Đào và Đồng nghiệp. Như vậy, hợp đồng này đã thể hiện ông T cho bà được quyền cùng đứng tên trong hợp đồng, ông T đã tự nguyện nhập bất động sản trên vào khối tài sản chung của vợ chồng.

Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết xác định nhà đất tại số 34, ngách 53/58 đường T, tổ dân phố G, phường ĐM, quận NTL, Hà Nội là tài sản chung vợ chồng và chia cho bà 100,5m^2 phần của bà cộng với 33,5m^2 theo kỷ phần thừa kế. Tổng cộng là 134m^2. Nếu bên bị đơn đồng ý chia cho bà 70m^2 thì bà sẽ đồng ý hòa giải.

Tại biên bản hòa giải ngày 22/5/2020 bà có ý kiến: Đề nghị Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế, xác định diện tích đất 201m^2 là di sản do ông T để lại, chia thành 3 phần bằng nhau cho bà, anh C, Chị T mỗi người một phần và chia bằng hiện vật cho bà. Bà rút những nội dung đã trình bày về xác định tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại.

Bị đơn - Anh Nguyễn Bá C , chị Nguyễn Thị Thu T trình bày :

Anh chị là con đẻ của ông Nguyễn Bá T và bà Nguyễn Thị Liên (ông T , bà Lđã ly hôn năm 2004). Ông T chết ngày 08/8/2008, ông T có bố mẹ đẻ là cụ Nguyễn Bá Vy (đã chết khoảng năm 1969) và cụ Nguyễn Thị Đ (đã chết từ lâu). Năm 2004, sau khi ly hôn, bố anh chị đưa bà Nguyễn Thị H về nhà sống được khoảng hơn 01 năm thì bà H bỏ đi. Đến nay bà H khởi kiện yêu cầu chia thừa kế nhà đất anh chị không đồng ý vì nguồn gốc tài sản tranh chấp là do cha ông để lại. Trên đất đã có nhà ngói 3 gian, sau này gia đình anh chị dỡ ra lợp mái tôn. Anh chị khẳng định đây là tài sản riêng của ông T , bà H mới chỉ về chung sống với ông T hơn 01 năm, không có công sức đóng góp gì. Khi bố anh chị ốm đau bà H không chăm sóc, lúc chết bà H không có mặt. Vì vậy, anh chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H . Quá trình chung sống tại đây anh chị không có công sức đóng góp gì đối với thửa đất này nên không có yêu cầu gì. Hiện trên đất có bà Bùi Thị L , anh Nguyễn Bá C , chị Nguyễn Thị Thu T , chị Nguyễn Thị N (vợ anh C), cháu Nguyễn Thị Bình A, sinh năm 2014, cháu Nguyễn Bình M, sinh năm 2018, cháu Nguyễn Bảo Linh N, sinh năm 2012 đang sinh sống.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H , anh chị mong muốn hai bên thỏa thuận được với nhau để giữ tình cảm hòa khí và đồng ý cắt cho bà H 50m^2 đất nhưng thanh toán bằng tiền để bà H đi chỗ khác sinh sống. Nếu bà H đồng ý thì hai bên sẽ thống nhất và rút đơn khởi kiện tại Tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - bà Bùi Thị L trình bày:

Bà kết hôn với ông Nguyễn Bá T năm 1989, ly hôn năm 2004. Ông, bà có 02 con chung là anh Nguyễn Bá C và chị Nguyễn Thị Thu T . Ngày 08/8/2008 ông T mất, bà thấy ngôi nhà cấp 4 xuống cấp, dột nát, bà thương các con nên đã về sửa chữa, nâng cấp. Tuy nhiên giá trị sửa chữa này không đáng kể nên bà không yêu cầu, mà cho các con. Nay bà H khởi kiện yêu cầu giải quyết chia thừa kế tài sản của ông T bà không đồng ý. Tuy nhiên, bà cũng đồng ý cắt cho bà H 50m^2 đất nhưng thanh toán bằng tiền cho bà H đi nơi khác sinh sống.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - chị Nguyễn Thị N trình bày :

Chị và anh C kết hôn năm 2012. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sinh sống tại thửa đất có tranh chấp. Quá trình chung sống cùng anh C chị không có công sức đóng góp gì đối với khối tài sản là nhà đất đang có tranh chấp. Vì vậy, chị từ

chối tham gia tố tụng, đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thẩm định, định giá và phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Tại bản án sơ thẩm số 40/2020/DS-ST ngày06, 07/7/2020 của Tòa án nhân dân quận NTL, thành phố Hà Nội đã xử và quyết định:

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H .

Xác nhận: Di sản của ông T để lại là quyền sở hữu tài sản gắn liền với quyền sử dụng thửa đất số 133.3, tờ bản đồ số 5, diện tích 201m^2 tại số 34, ngách 53/58 đường T, tổ dân phố G, phường ĐM, quận NTL, Hà Nội, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2005 mang tên cá nhân ông Nguyễn Bá Tám.

Hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Bá T là: Bà Nguyễn Thị H , anh Nguyễn Bá C và chị Nguyễn Thị Thu T .

Trích lại giá trị 21m^2 di sản dùng để thờ cúng ông T và tổ tiên.

Phân chia di sản của ông Nguyễn Bá T để lại như sau:

Phân chia thửa đất làm 03 phần bằng nhau (có sơ đồ phân chia kèm theo);

Diện tích đất bà H sau khi phân chia có tứ cạnh giáp ranh như sau: Phía Đông giáp đất ông Duy và bà Chuyên, phía Tây giáp đất Chị T sau khi phân chia, phía Nam giáp ngõ đi, phía Bắc giáp đất ông Phát, tổng diện tích 67m^2 (có sơ đồ kèm theo);

Diện tích đất diện tích đất Nguyễn Thị Thu T sau khi phân chia có tứ cạnh giáp ranh, phía Đông giáp đất bà H sau khi phân chia, phía Tây giáp đất anh C sau khi phân chia, phía Nam giáp ngõ đi, phía Bắc giáp đất ông Phát, tổng diện tích 67m^2 (có sơ đồ kèm theo);

Diện tích đất Nguyễn Bá C sau khi phân chia có tứ cạnh giáp ranh, phía Đông giáp đất Chị T sau khi phân chia, phía Tây giáp tiểu ngõ và ông Giang, phía Nam giáp ngõ đi, phía Bắc giáp đất ông Phát, tổng diện tích 67m^2 (có sơ đồ kèm theo);

Sau khi phân chia thì tài sản và cây cối lâm lộc có trên phần đất của ai thì chủ sử dụng thửa đất đó được hưởng.

Bà H , Chị T , anh C mỗi người trích lại phần giá trị bằng tiền tương đương 7m^2, có giá theo định giá là 7x35.000.000đ/m^2, thành tiền là 245.000.000đ, giao cho Nguyễn Bá C quản lý sử dụng làm di sản thờ cúng.

Bà H , anh C, Chị T có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chịu các chi phí, lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau phiên toà sơ thẩm, ngày 22/7/2020, Viện kiểm sát nhân dân quận NTL có Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Ngày 21/7/2020, bà Nguyễn Thị H kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm.

Ngày 20/7/2020, anh Nguyễn Bá C kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị H và người đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà đăng ký kết hôn với ông Nguyễn Bá T ngày 19/01/2006 tại UBND phường ĐM. Trước khi kết hôn ông T có vợ là bà Liên, có 02 con chung với bà Liên; ông T và bà Lđã ly hôn. Tại thời điểm ly hôn, ông T có nhà đất tại số 34, ngách 53/58 đường T, tổ dân phố G, phường ĐM, quận NTL, thành phố Hà Nội, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/5/2006 đứng tên ông Nguyễn Bá Tám. Bà và ông T không có con chung.

Ông T chết ngày 08/8/2009, không để lại di chúc. Tại thời điểm ông T chết thì mẹ đẻ của ông T là cụ Nguyễn Thị Đ vẫn còn sống; Cụ Đ chết chết ngày 11/7/2015. Cụ Đ có 08 người con, hiện 04 người còn sống, 04 người đã chết.

Bà H xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án y án sơ thẩm.

Bị đơn - chị Nguyễn Thị Thu T trình bày: Nhà đất của bố chị là ông T được ông bà nội chị chia cho; mẹ chị cũng có công sức sửa chữa, tôn tạo. Việc Tòa án không đưa bà nội chị vào là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ảnh hưởng đến quyền lợi của các anh chị em của bố chị. Đề nghị Tòa án hủy bản án sơ thẩm; chia công sức sửa chữa nhà cho mẹ chị và chia cho 04 người thừa kế của bố chị.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - bà Bùi Thị L trình bầy: Bà và ông T kết hôn năm 1989, bà và ông T ở trên đất của bố mẹ ông T cho. Năm 2004, bà và ông T ly hôn; về tài sản tự thỏa thuận chia. Sau khi ông T chết bà có sửa chữa, cải tạo cho 02 con ở hết khoảng 100 triệu đồng. Nay bà H vừa lấy ông T vài năm được chia đất thì bà cũng yêu cầu chia công sức của bà trên đất.

Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý vụ án đến phiên toà xét xử vụ án.

Về nội dung: Giữ nguyên kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 22/07/2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận NTL; đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. *Về quyền khởi kiện; thẩm quyền giải quyết*: Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đề nghị: Chia thừa kế di sản của ông Nguyễn Bá T là nhà đất tại thửa số đất số 133.3, tờ bản đồ số 5, diện tích 201m^2 tại số 34, ngách 53/58 đường T, tổ dân phố G, phường ĐM, quận NTL, thành phố Hà Nội đối với bị đơn anh Nguyễn Bá C , chị Nguyễn Thị Thu T .

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đối tượng tranh chấp là bất động sản và bị đơn cùng có địa chỉ phường ĐM, quận NTL, thành phố Hà Nội. Do vậy, Toà án nhân dân quận NTL đã thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án và loại việc được qui định tại khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. *Về quan hệ pháp luật*: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp về thừa kế tài sản"* theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. *Về kháng cáo*: Tại phiên toà sơ thẩm ngày 06, 07/7/2020, có mặt bà H , anh C; ngày 21/7/2021, bà H có đơn kháng kháng cáo, ngày 20/7/2020 anh C có đơn kháng cáo nộp cho Toà án cấp sơ thẩm.

Kháng cáo của bà H , anh C đảm bảo về chủ thể, hình thức, nội dung và trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.4]. *Về chứng cứ*: Tại Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Toà sơ thẩm đã công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do các đương sự nộp và do Toà án thu thập. Các đương sự đã được tiếp cận toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do hai bên đương sự cung cấp và Toà án thu thập. Ngoài tài liệu chứng cứ xuất trình tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì các đương sự xác nhận đã nộp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, không yêu cầu Toà án triệu tập đương sự khác, người làm chứng và người tham gia tố tụng khác.

Tại cấp sơ thẩm, các đương sự trong vụ án không phản đối về các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Do vậy, những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án mà Toà án sử dụng làm căn cứ giải quyết đủ điều kiện là chứng cứ theo Điều 92, Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.5] *Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên toà phúc thẩm*: Các đương sự đều đã được tống đạt hợp lệ đến tham gia phiên toà lần thứ hai. Tại phiên toà phúc thẩm, có mặt bà Nguyễn Thị H và người địa diện theo ủy quyền của bà H , chị Nguyễn Thị Thu T , bà Bùi Thị L . Vắng mặt người bảo vệ quyền và lợi ích

hợp pháp của bà H là luật sư Hà Kim T, anh Nguyễn Bá C và chị Nguyễn Thị N ; trong đó luật sư Tâm và anh C có đơn xin vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị N theo khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 22/07/2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận NTL:

Hội đồng xét xử nhận thấy vụ án như sau:

Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của chồng bà là ông Nguyễn Bá Tám. Tại trích lục khai tử số 195/TLKT ngày 09/9/2009 của Ủy ban nhân dân phường ĐM xác định ông Nguyễn Bá T chết ngày 08/8/2009, các đương sự đều thừa nhận ông T không để lại di chúc.

Di sản của ông T để lại là quyền sở hữu tài sản gắn liền với quyền sử dụng thửa đất số 133.3, tờ bản đồ số 5, diện tích 201m^2 tại số 34, ngách 53/58 đường T, tổ dân phố G, phường ĐM, quận NTL, thành phố Hà Nội, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/5/2006 đứng tên ông Nguyễn Bá Tám.

Tại thời điểm mở thừa kế của ông T ngày 08/8/2009 thì hàng thừa kế thứ nhất của ông T gồm: Cụ Nguyễn Thị Đ (mẹ ông T), bà Nguyễn Thị H (vợ thứ 2 của ông T) và 02 người con riêng của ông T là anh Nguyễn Bá C , chị Nguyễn Thị Thu T .

Tại thời điểm thụ lý sơ thẩm vụ án thì Cụ Đ đã chết (Cụ Đ chết ngày 11/7/2015). Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không xác định Cụ Đ thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T và không đưa những người thuộc hàng thừa kế của Cụ Đ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã vi phạm quy định tại các Điều 631, Điều 635, Điều 636, Điều 674, Điều 675, Điều 676 của Bộ luật Dân sự 2005.

Ngoài ra, tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21/5/2019 của Tòa án nhân dân quận NTL cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các đương sự đều thừa nhận trên đất tranh chấp hiện tại còn có các cháu Nguyễn Thị Bình An, sinh năm 2014; cháu Nguyễn Bình Minh, sinh năm 2018; cháu Nguyễn Bảo Linh Nhi, sinh năm 2012 là các con của anh C, chị Nhung đang ở trên nhà đất tranh chấp nhưng cũng chưa được đưa vào tham gia tố tụng từ cấp sơ thẩm.

Những thiếu sót của Tòa án nhân dân quận NTL nêu trên là không thể khắc phục được tại cấp phúc thẩm. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

Viện kiểm sát nhân dân quận NTL kháng nghị hủy bản án sơ thẩm là có căn cứ, kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa hôm nay phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của các đương sự:

Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị H : Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị H rút toàn bộ kháng cáo nên Hội đồng xét xử đình xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H .

Xét kháng cáo của anh Nguyễn Bá C : Như nhận định tại phần [2], Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh C.

[4] Về án phí: Do hủy bản án sơ thẩm nên bà H , anh C không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 631, Điều 635, Điều 636, Điều 674, Điều 675, Điều 676 của Bộ luật Dân sự 2005

- Khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 92, Điều 93, Điều 271, Điều 272, Điều 273, khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

[1] Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị H ; chấp nhận toàn bộ kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 22/07/2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận NTL; chấp nhận toàn bộ kháng cáo của anh Nguyễn Bá C .

[2] Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 40/2020/DS-ST ngày 06, 07/7/2020 của Tòa án nhân dân quận NTL, thành phố Hà Nội. Giao hồ sơ về Tòa án nhân dân quận NTL để giải quyết lại theo thủ tục chung.

[3] Về án phí phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị H được hoàn lại 300.000 đồng dự phí kháng cáo đã nộp tại biên lai thu số AK/2010/0009514 ngày 14/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận NTL, thành phố Hà Nội.

Anh Nguyễn Bá C được hoàn lại 300.000 đồng dự phí kháng cáo đã nộp tại biên lai thu số AK/2010/0009503 ngày 28/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận NTL, thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật để thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKS NDTP Hà Nội;
- TAND quận NTL;
- Chi cục THADS quận NTL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thu Hồng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ